

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/DS-PT
Ngày 08 - 5 - 2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Hùng

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 133/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Cao Văn S, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Cao Văn S1, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Cao Văn K, sinh năm 1946 (đã chết) và bà Đỗ Thị P (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ ông Cao Văn K và bà Đỗ Thị P:

1.1. Bà Cao Thị K1, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, (xin vắng mặt).

1.2. Ông Cao Văn H, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, (xin vắng mặt).

1.3. Ông Cao Văn T, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, (xin vắng mặt).

1.4. Anh Cao Văn S1, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

1.5. Chị Cao Thị X, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp 2, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, (xin vắng mặt).

2. Chị Cao Tiểu P1, sinh năm 2000; cư trú tại: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, (xin vắng mặt).

3. Anh Cao Nhật P2, sinh năm 1994; cư trú tại: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, (xin vắng mặt).

4. Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, (xin vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Cao Tiểu P1, anh Cao Nhật P2 và chị Huỳnh Thị T là anh Cao Văn S1, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/3/2018, có mặt).

5. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1958; cư trú tại: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

6. Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Trụ sở tại: Ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh T, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

7. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; Trụ sở tại: Ấp 3, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Minh T, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Cao Văn S, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 13/7/2013 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 07/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Cao Văn S trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông tên ông Cao Văn N và bà Ngô Thị B (đã chết). Khi còn sống, cha mẹ ông chia đất cho các con cụ thể như sau: Chia cho ông phần đất chiều ngang 08 tầm (01 tầm = 03m), chiều dài từ kênh Long Phú, chiều ngang đầu hậu là 08 tầm; chia cho ông Cao Văn K (cha ruột của anh Cao Văn S1) phần đất chiều ngang 16 tầm, chiều dài từ kênh Long Phú, chiều ngang đầu hậu là 16 tầm. Việc cha mẹ chia đất cho các con không có làm biên bản,

có hợp gia đình gồm ông, ông K, ông Cao Văn U. Sau đó ông K cùng ông, ông U ra thực địa đo đạc chia đất, ông K là người trực tiếp đo đạc trước sự chứng kiến của ông, ông Cao Văn U vào khoảng năm 1990. Sau khi phân chia đất thì không cắm ranh, các anh em sử dụng đất liền ranh với nhau không phát sinh tranh chấp. Năm 1995, giữa ông với ông K cùng làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thể hiện ranh đất giữa hai bên là ranh thẳng từ hậu đất đến kênh Long Phú, từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai bên sử dụng ổn định không tranh chấp ranh đất.

Đến năm 2007 ông K cho đất con là anh Cao Văn S1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi anh S1 làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chỉ ranh trùn qua đất của ông và không kê ông ra ký giáp ranh, ông không biết việc anh S1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên phát sinh tranh chấp. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Cao Văn S1 trả cho ông phần đất diện tích 269,4m². Trường hợp Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông thì các cây trồng cùng công trình do anh S1 xây dựng ông đồng ý để anh S1 tiếp tục ở và trồng cây, không yêu cầu chặt bỏ. Trường hợp Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của anh S1 thì các cây ông trồng, ông không yêu cầu bồi thường. Đối với phần đất anh S1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông không đồng ý, ông yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh S1 đối với diện tích đất tranh chấp 267,8m² để công nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Bị đơn, đồng thời là người kế thừa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền của chị Cao Tiểu P1, anh Cao Nhật P2 và chị T là anh Cao Văn S1 trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà nội anh tên ông Cao Văn N và bà Ngô Thị B. Lúc ông N còn sống có phân lô, chia đất cho các con, do các chú còn nhỏ nên giao toàn bộ đất cho ông K (cha ruột anh) quản lý, sử dụng đến khi các chú lớn lên thì giao lại đất cho các chú. Đến khoảng năm 1990, bà nội anh có kêu cha anh giao đất cho các chú theo từng lô đất mà trước đây ông nội anh đã phân chia sẵn. Diện tích cụ thể của từng lô đất cho cha anh và các chú là bao nhiêu thì anh không biết rõ. Đất ông K và ông S được chia đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995. Ông K với ông S có cắm trụ ranh hai bên, hiện nay trụ ranh không còn do ông S đã nhổ bỏ, hiện nay ranh đất giữa hai bên là hàng cây dừa lớn do ông K trồng và cây me lớn do ông S trồng; ranh đất giữa anh với ông S là ranh gấp khúc chứ không thẳng từ hậu đất đến sông. Ông S cho rằng ranh đất thẳng là không đúng, do đất ông bà để lại có 01 phần là đất vườn và thổ cư nếu chia ranh thẳng sẽ dính phần nhà của ông bà nội nên chia cong, gấp khúc theo bờ mương, liếp. Năm 1995 anh được cha mẹ tặng cho phần đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2007 anh có làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có cán bộ xuống đo đạc lại đất, có ông S, ông C chứng kiến, có ký tên vào biên bản

hay không thì anh không biết. Khi anh dự tính xây hàng rào thì ông S ngăn cản, ông S nói phần đất cặp vách nhà của anh là của ông S nên phát sinh tranh chấp.

Trên phần đất tranh chấp có một số loại cây; 01 căn nhà sau cất năm 2009 và nhà vệ sinh xây dựng năm 1997, khi xây cất ông S không ngăn cản, phản đối. Trường hợp Tòa án xét xử phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của anh thì các cây trồng của ông S trồng anh đồng ý giữ nguyên hiện trạng. Trường hợp Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông S thì các cây anh trồng anh không yêu cầu bồi thường, đồng ý chặt bỏ. Ông S khởi kiện yêu cầu anh trả cho ông S phần đất có diện tích $269,4m^2$ và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh đối với diện tích đất tranh chấp $267,8m^2$ để công nhận quyền sử dụng đất cho ông S thì anh không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L trình bày: Bà L thống nhất theo lời trình bày của ông Cao Văn S, không có ý kiến gì trình bày thêm.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông K và bà P là bà Cao Thị K1, ông Cao Văn H, ông Cao Văn T, chị Cao Thị X trình bày: Việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông S và anh S1 không liên quan gì đến ông H, ông T, bà K và chị X cho nên không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện của Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày: Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Cao Văn S, anh Cao Văn S1 vào năm 1995 là đúng theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy. Tuy nhiên, việc cấp giấy vào thời điểm này không qua đo đạc thực tế, dựa trên bản đồ không ảnh nên có nhiều sai sót, cấp nhầm, cấp sai vị trí, đề nghị Tòa án xác minh, giải quyết đúng theo quy định. Việc ông Cao Văn S yêu cầu anh Cao Văn S1 trả phần đất diện tích $269,4m^2$, yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Cao Văn S1 diện tích $267,8m^2$ để công nhận quyền sử dụng đất cho ông S thì đề nghị Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Ủy ban nhân dân xã An Phúc trình bày: Đối với phần đất diện tích $202,2m^2$ thuộc một phần thửa số 15, 16 tờ bản đồ số 15 được ông Cao Văn K kê khai sổ mục kê và được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Cao Văn S1 vào năm 1995. Đến năm 2007 thu hồi, nhưng đến nay anh S1 vẫn chưa được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đại diện Ủy ban nhân dân xã A xác định phần đất tranh chấp không nằm trong diện quy hoạch, thu hồi của Ủy ban nhân dân xã; đề nghị Tòa án xác minh, giải quyết theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân xã A không có ý kiến gì.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn S đối với anh Cao Văn S1 và buộc anh Cao Văn S1, ông Cao Văn K, chị Cao Tiểu P1, anh Cao Nhật P2, bà Đỗ Thị P, chị Huỳnh Thị T giao trả cho ông Cao Văn S phần đất diện tích $1,6m^2$, tọa

lạc tại ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có tuyên tứ cạnh kèm theo). Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn S đòi anh Cao Văn S1 giao trả phần đất diện tích 267,8m². Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Cao Văn S đối với anh Cao Văn S1 đối với diện tích nêu trên.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2019, nguyên đơn ông Cao Văn S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Cao Văn S, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Cao Văn S nộp trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của ông Cao Văn S, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[3.1] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/10/2017 và Trích đo đất tranh chấp thì phần đất tranh chấp có diện tích 269,4m² tọa lạc tại ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, có số đo và vị trí cụ thể như sau:

1. Phần đất thứ nhất:

- Hướng Đông giáp lộ nông thôn, cạnh dài 2,6m;
- Hướng Tây giáp đất tranh chấp, cạnh dài 3,6m;
- Hướng Nam giáp đất ông Cao Văn S, cạnh dài 63,5m;
- Hướng Bắc giáp đất anh Cao Văn S1, cạnh dài 63,5m.

Diện tích chung: 198,6m².

2. Phần đất thứ hai:

- Hướng Đông giáp phần đất tranh chấp thứ nhất, cạnh dài 3,6m;

- Hướng Tây giáp đất ông Cao Văn S và anh Cao Văn S1 thống nhất một điểm 0m;

- Hướng Nam giáp đất ông Cao Văn S, cạnh dài 38,6m;

- Hướng Bắc giáp đất anh Cao Văn S1, cạnh dài 38,2m;

Diện tích chung: 70,8m².

Trong tổng diện tích đất tranh chấp 269,4m² thì diện tích 65,6m² thuộc một phần thửa số 97, tờ bản đồ số 04 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ anh Cao Văn S1 và chị Huỳnh Thị T; 1,6m² thuộc một phần thửa số 105, tờ bản đồ số 4 (theo bản đồ 299 là một phần thửa số 52, tờ bản đồ số 7) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Cao Văn S; 3,6m² thuộc một phần thửa số 16, tờ bản đồ số 15 được ông Cao Văn K kê khai sổ mục kê (theo bản đồ 299 thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 07 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho anh Cao Văn S1 năm 1995); diện tích 198,6m² thuộc một phần thửa số 15, 16 tờ bản đồ số 15 được ông Cao Văn K kê khai trên sổ mục kê (theo bản đồ 299 thuộc một phần thửa số 21, tờ bản đồ số 7 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Cao Văn S1 năm 1995).

[3.2] Ông S cho rằng tổng diện tích đất tranh chấp là của ông được cha mẹ ruột là ông Cao Văn N và bà Ngô Thị B cho vào khoảng năm 1990, đến năm 1995 thì ông được cấp quyền sử dụng đất; ông S còn cho rằng, năm 2007 khi cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh S1 kê khai và được cấp trù lên phần đất của ông. Xét thấy, trong tổng diện tích đất tranh chấp 269,4m² thì chỉ có 1,6m² đất nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S được cấp năm 1995, trong khi diện tích đất tranh chấp còn lại cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh S1 vào năm 1995. Phần đất của ông S và anh S1 đều được cấp giấy chứng nhận vào năm 1995, đến năm 2007 thì anh S1 mới được cấp đổi lại. Tại Công văn số 81 ngày 22/8/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ xác định phần đất tranh chấp 198,6m² thuộc một phần thửa số 15, 16 tờ bản đồ số 15 được ông K kê khai trong sổ mục kê, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh S1 năm 1995; đến năm 2007, anh S1 kê khai và cấp đổi lại giấy chứng nhận theo dự án 750; tuy nhiên, đến nay anh S1 vẫn chưa được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này do đang tranh chấp với ông S.

[3.3] Việc sử dụng đất của cá nhân, hộ gia đình hợp pháp là được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh S1 đã sử dụng ổn định, lâu dài và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không có căn cứ chấp để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S. Xét thấy, đối với phần đất 1,6m² ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S đối với diện tích 1,6m² là phù hợp.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Cao Văn S; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên

Bản án sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, lệ phí phô tô hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Cao Văn S và anh Cao Văn S1 phải chịu. Ông S đã dự nộp 950.000 đồng đã chi hết. Buộc anh Cao Văn S1 phải giao trả cho ông Cao Văn S số tiền 475.000 đồng.

[6] Án phí dân sự sơ và phúc thẩm, ông Cao Văn S không phải chịu do ông S là người cao tuổi. Anh Cao Văn S1 phải nộp án phí sơ thẩm số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Cao Văn S. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 46/2019/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn S đối với anh Cao Văn S1.

Buộc anh Cao Văn S1, chị Cao Tiểu P1, anh Cao Nhật P2, chị Huỳnh Thị T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Cao Văn K, bà Đỗ Thị P là bà Cao Thị K1, ông Cao Văn H, ông Cao Văn T, anh Cao Văn S1, chị Cao Thị X giao trả cho ông Cao Văn S phần đất diện tích 1,6m², tọa lạc tại ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí sau:

Cạnh hướng Đông giáp phần đất tranh chấp, cạnh dài 1,72m.

Cạnh hướng Tây giáp phần đất ông Cao Văn S và anh Cao Văn S1 điểm 00m.

Cạnh hướng Nam giáp phần đất ông Cao Văn S đang sử dụng, cạnh dài 6.69m.

Cạnh hướng Bắc giáp phần đất anh Cao Văn S1 đang sử dụng, cạnh dài 5.06m.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn S đòi anh Cao Văn S1 giao trả phần đất diện tích 267,8m².

3. Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Cao Văn S đối với anh Cao Văn S1 đối với diện tích nêu trên.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, lệ phí pho to hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Cao Văn S và anh Cao Văn S1 phải cùng chịu, ông Cao Văn S đã nộp 950.000đ đã chi hết. Buộc anh Cao Văn S1 phải giao trả cho ông Cao Văn S số tiền 475.000đ.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn cho ông Cao Văn S. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông Cao Văn S đã nộp tạm ứng ngày 31/7/2017 theo biên lai thu số 0006609 được hoàn lại đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Buộc anh Cao Văn S1 phải nộp án phí số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn cho ông Cao Văn S.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Lệ Kiều